TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Pc

Bản án số: 74/2019/HSST
Ngày: 19/4/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Dương Thị Bạch Phượng***;*

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Xuân Đệ, bà Vũ Thị Mai**.

- Thư ký phiên toà: **Bà Hoàng Thị Gấm** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18, 19 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Đống Đa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Thị Đ (Phạm T), sinh ngày 01 tháng 5 năm 1986; Giới tính: Nữ; HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; Tạm trú: Số xxx, ngách xxx, Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Phạm Trọng Đ, sinh năm 1956; Con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956; Chồng là Mai Thanh Tiến (đã ly hôn); Có 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh 2010).

Tiền án, tiền sự: Chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn "*cấm đi khỏi nơi cư trú*". Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Đ có: Ông Nguyễn Văn Lục, bà Phạm Thị Dung là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu Phan – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Anh Nguyễn Trọng P, sinh năm 1991; chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Khối xxx, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h40' ngày 23/7/2018, anh Nguyễn Trọng P cùng vợ là chị Nguyễn Thị N đến cửa hàng máy tính số 131 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội để sửa máy tính bị hỏng. Khi đưa máy tính cho Phạm Thị Đ – chủ cửa hàng kiểm tra, anh P có đưa cho chị N một chiếc ví cầm tay màu xanh

nhãn hiệu GIOVANNI kích thước 9x20cm bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng P; 01 (một) đăng kí xe ô tô mang tên Nguyễn Thị N; 01 thẻ visa ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Trọng P; 01 thẻ VinID khách hàng thân thiết của Vingroup; 01 thẻ Lotte member và số tiền khoảng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Sau đó, chị N ra ngồi ở bàn tiếp khách đợi và để chiếc ví tại mặt bàn tiếp khách. Sau khi Đ thông báo máy phải để lại sửa và viết giấy nhận máy tính thì chị N và anh P đi về, chị N đã để quên chiếc ví trên mặt bàn tiếp khách của cửa hàng. Chiều cùng ngày, Đ gọi điện cho chị N nhưng chị N không nghe máy, sau đó chị N gọi điện lại thì Đ thông báo lỗi của máy tính cần sửa và yêu cầu chị N mang sạc pin máy tính đến cửa hàng và không nói gì về việc nhặt được ví. Khoảng 22 giờ ngày 23/07/2018, anh P tìm không thấy ví ở nhà và nghĩ để quên trên xe ô tô. Đến khoảng 07 giờ ngày 24/07/2018 chị N và anh P tìm không thấy ví trên xe ô tô nên nghĩ để quên ở quán sửa máy tính nên quay lại tìm. Trên đường đi đến cửa hàng sửa máy tính, chị N đã gọi điện cho Đ nhờ kiểm tra camera tại của hàng xem có ai nhặt được ví thì xin lại nhưng Đ bảo camera hỏng không xem được và không nói cho chị N biết có nhặt được ví. Khoảng 11 giờ ngày 24/07/2018, chị N và anh P có quay lại cửa hàng sửa máy tính 131 Thái Thịnh để tìm lại chiếc ví. Lúc này có Đ và một khách hàng nữ, anh P đưa sạc pin cho Đ và anh P, chị N trình bày việc quên ví tại cửa hàng, anh P, chị N đã đề nghị Đ cho kiểm tra camera để xem có ai nhặt được ví để xin lại, Đ bảo camera tại cửa hàng bị hỏng và mở ứng dụng xem trên điện thoại thì không xem được. Anh P yêu cầu Đ cho xem dữ liệu trong ổ cứng lưu giữ nhưng Đ bảo không có ổ cứng và không có máy tính xem được, sếp của Đ quản lý camera. Anh P đề nghị Đ cho số điện thoại của sếp Đ nhưng Đ từ chối. Đ yêu cầu phải mời cơ quan có thẩm quyền đến mới được xem ổ cứng camera. Do vậy, anh P và chị N đã đến Công an phường Thịnh Quang trình báo vụ việc, Đ có gọi điện cho chị N hỏi đang ở đâu thì chị N nói đang trình báo Công an phường. Sau đó, chị N có nhắn tin cho Đ "chị xem sửa được camera rùi xem giúp ai nhặt được không cho em xin lại giấy tờ rùi em cảm ơn thêm người ta chứ tiền em bỏ đi được mà giấy tờ thì nó quan trọng với em giúp cho em cái nhé" thì Đ có nhắn tin lại: "vâng. Em cũng biết hoàn cảnh mất giấy tờ. Vừa rồi nhà em bị cháy nên em hiểu. Chị yên tâm nhé". Chị N khẳng định không có việc Đ gọi điện cho chị N đề nghị quay lại cửa hàng để trả ví.

Ngay sau khi nhận được trình báo của anh P, chị N thì anh Nguyễn Đình Long và Dương Trung Kiên được ban chỉ huy Công an phường Thịnh Quang giao nhiệm vụ xác minh đơn trình báo của anh P, chị N. Anh Long, anh Kiên đã cùng anh P, chị N đến gặp Đ. Tại cửa hàng có Đ và Trần Xuân Phương (Sinh năm: 1983, Trú tại: Số 3/157/31 Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội) đang ăn cơm, anh Long, anh Kiên đã thông báo về việc chị N để quên ví tại cửa hàng và yêu cầu Đ mở lại camera an ninh tại cửa hàng, Đ đã mở camera từ máy điện thoại lên nhưng không xem được. Anh Kiên đã cùng anh Phương khởi động lại hệ thống camera tại cửa hàng thì xem lại được. Khi thấy hình ảnh chị Đ có

cầm chiếc ví của chị N để quên tại bàn uống nước, anh Long và anh Kiên đã đề nghị anh P, chị N ra ngoài để làm việc với Đ vì nghĩ Đ ngại không dám nhận việc nhặt được ví trước mặt khách hàng. Anh Long, anh Kiên đã giải thích cho Đ xem lại nhiều lần hình ảnh camera ghi hình Đ nhặt được ví nhưng Đ không nhận. Anh Long, anh Kiên đã mời chị Đ về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc tại Công an phường Thịnh Quang, sau khi được giải thích, thuyết phục, Đ đã nhận nhặt được ví và đưa cán bộ Công an về cửa hàng lấy chiếc ví cất trong két sắt và giao nộp lại.

Theo kết luận định giá tài sản số 363 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Đống Đa kết luận: 01 (một) chiếc ví màu xanh nhãn hiệu GIOVANNI kích thước 9x20cm đã qua sử dụng có trị giá 500.00 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Tổng tài sản Phạm Thị Đ chiếm giữ là 24.110.000 đồng (*hai mươi tư triệu một trăm mười ngàn đồng*).

Tại cơ quan Công an ban đầu Đ khai nhận như sau:

Khoảng hơn 10 giờ ngày 23/7/2018 có đôi N nữ đến cửa hàng máy tính số 131 Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội để sửa máy tính bị hỏng. Đ kiểm tra máy xong thông báo máy phải để lại sửa và viết giấy nhận máy tính đưa cho đôi N nữ. Đến khoảng 12 giờ 15 Pt cùng ngày Đ phát hiện có một chiếc ví cầm tay để trên mặt bàn tiếp khách của cửa hàng. Đ đã cầm lên và kiểm tra chiếc ví, phát hiện bên trong ví có 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên P và nhiều giấy tờ, tiền bên trong. Đ nghĩ chiếc ví của anh Trần Xuân Phương nhưng khi đưa gần trước mặt anh Phương không thấy phản ứng gì nên đã để chiếc ví vào tủ kính bàn sửa máy tính của cửa hàng. Đến khoảng 13 giờ Đ đi ngủ một lúc rồi dậy lấy chiếc ví cất vào trong két sắt trong kho của cửa hàng. Chiều cùng ngày, Đ có gọi điện cho khách hàng trao đổi về tình trạng máy tính nhưng không thấy khách hỏi gì về chiếc ví.

Sáng ngày 24/7/2018, khách hàng nữ trên gọi điện cho Đ nhờ kiểm tra camera tại cửa hàng xem có để quên ví hay không thì Đ bảo để kiểm tra. Khi vợ chồng người khách hàng đến muốn xem lại camera của cửa hàng và nói để quên chiếc ví thì Đ có đưa điện thoại cho khách hàng xem nhưng không xem được vì lỗi kết nối, Đ không thừa nhận việc nhặt được chiếc ví mà khách để quên. Khi vợ chồng khách hàng đề nghị kiểm tra lại hệ thống camera thì Đ không đồng ý và yêu cầu mời cơ quan chức năng đến làm việc. Sau đó vợ chồng khách hàng đi ra ngoài một lúc rồi quay lại cùng cán bộ Công an phường Thịnh Quang. Cán bộ Công an phường yêu cầu Đ cho xem lại camera thì bị lỗi không xem được, sau khi khởi động lại hệ thống camera, khi thấy hình ảnh chị Đ có cầm chiếc ví của chị N để quên tại bàn uống nước Đ đã nhắn tin cho Lê Thị Ái (Sinh năm: 1983, Trú tại: xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang) nhờ Ái đến cửa hàng mang ví nhặt được đến cơ quan Công an khác trình báo việc khách để quên nhưng Ái không đến được. Sau khi xem lại camera có hình ảnh Đ nhặt được chiếc ví, Đ đã nói với cán bộ Công an và vợ chồng khách ngồi lại giải quyết nhưng cán bộ Công an không đồng

ý và bảo vợ chồng khách đi ra ngoài. Sau đó cán bộ Công an phường đã mời Đ về trụ sở làm việc. Tại Công an phường Thịnh Quang, Đ đã thừa nhận việc nhặt được chiếc ví và đưa cán bộ Công an về cửa hàng lấy chiếc ví cất trong két và giao nộp cho Cơ quan Công an. Kiểm tra tài sản trong ví có 01 (một) chiếc ví màu xanh nhãn hiệu GIOVANNI kích thước 9x20cm bên trong có 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Trọng P (Sinh năm: 1991, HKTT: khối 5, xã Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội); 01 (một) đăng kí xe ô tô mang tên Nguyễn Thị N (HKTT: khối 5, xã Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội); 01 thẻ visa ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Trọng P; 01 thẻ VinID khách hàng thân thiết của Vingroup; 01 thẻ Lotte member; số tiền: 23.610.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Bị can Phạm Thị Đ khai do thấy trong ví có nhiều tiền tuy rằng biết chiếc ví của vợ chồng N – P nhưng sợ sẽ phiền hà nên chưa trả họ ngay.

Đến ngày 13/12/2018, Phạm Thị Đ thay đổi lời khai, Đ khai khi anh P, chị N hỏi việc để quên ví thì Đ bảo có nhặt được ví và bảo vợ chồng anh P đợi để Đ tiếp khách xong sẽ trả lại nhưng anh P không đợi mà ra Công an phường Thịnh Quang trình báo. Bị can Đ gọi điện cho chị N đề nghị quay lại cửa hàng trả ví nhưng không quay lại, chị N có nhắn tin cho Đ xin lại giấy tờ và không cần tiền trong ví thì Đ nghĩ là chị N cảm ơn mình nên nhắn tin thông cảm vì cũng mới bị cháy nhà mất hết giấy tờ. Khi cơ quan Công an đến làm việc, Đ đã đề nghị trả ví nhưng Công an phường Thịnh Quang và vợ chồng anh P không nhận. Khi xem camera có hình ảnh chị N để quên ví và hình ảnh Đ nhặt được ví, Đ đã đề nghị trả lại ví nhưng cán bộ Công an phường Thịnh Quang không đồng ý và yêu cầu vợ chồng anh P đi ra ngoài. Việc Đ đã nhắn tin với Ái đến cửa hàng mang ví đến cơ quan Công an khác trình báo việc khách để quên là do không tin tưởng Công an phường Thịnh Quang. Khi đến Công an phường Thịnh Quang làm việc, do cán bộ không yêu cầu mang theo ví để bàn giao nên Đ không mang theo, sau đó Đ đưa cán bộ Công an phường Thịnh Quang quay lại cửa hàng để giao nộp ví trong két sắt.

Căn cứ lời khai ban đầu của bị can, lời khai bị hại, báo cáo sự việc của hai đồng chí Dương Trung Kiên, đồng chí Nguyễn Đình Long là cán bộ Công an phường Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội, tài liệu camera xác định hành vi của bị can Phạm Thị Đ đã cố tình không trả lại chiếc ví tiền có tổng giá trị tài sản là 24.110.000 đồng khi người bị mất đã đưa ra yêu cầu trả lại tài sản.

Ngày 03/11/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Đống Đa đã trao trả cho người bị hại chiếc ví cùng toàn bộ tài sản. Sau khi nhận lại tài sản người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin hòa giải, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự với Đ.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS, ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa đã truy tố Phạm Thị Đ về tội "*Chiếm giữ trái phép tài sản*" theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, lúc đầu bị cáo quanh co cho rằng không có tội, sau đó bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là có tội xin Hội đồng xét xử xem xét. Phần tranh luận bị cáo đồng quan điểm với ý kiến của luật sư đề nghị xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa giữ quyền công tố sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ mức án từ 06 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về vật chứng vụ án: Không.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến:

- Cơ quan điều tra không chứng minh việc Đ chiếm giữ trái phép tài sản của vợ chồng anh P – chị N.

- Ý thức của Đ muốn xác định đúng chủ sở hữu để trả. Ý thức này phù hợp với các lời khai ban đầu của người bị hại là yêu cầu mời cơ quan thẩm quyền đến giúp đỡ. Sau khi sửa Camera xác định đúng chủ nhân chiếc ví Đ đã yêu cầu anh P – chị N ngồi lại làm việc để trả ví phù hợp với lời khai anh P tại biên bản đối chất có khai việc Đ ba lần ra có ý mời vào để trả ví và phù hợp với lời khai anh Phương, tin nhắn zalo cho Lê Thị Ái.

- Báo cáo sự việc không có ngày tháng năm là tài liêu nội bộ nên không có căn cứ pháp lý.

- Khi khám nghiệm hiện trường không thu giữ tang vật là vi phạm tố tụng.

Từ các căn cứ trên không đủ căn cứ để xác định việc Đ cố tình chiếm giữ trái phép tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Tại (BL số 75) người bị hại chị Nguyễn Thị N trình bày: "…Khi chị Thúy nghe máy tôi có hỏi: Chị kiểm tra cho em xem hôm qua vợ chồng em đến cửa hàng máy tính có quên ví ở đó không? Chị ta trả lời: Để chị kiểm tra. Một lúc sau tôi tiếp tục gọi lại chị ta trả lời là Camera bị hỏng không xem được.

Ngày hôm sau khi phát hiện để quên ví vợ chồng tôi đã đến cửa hàng để tìm ví, tôi cùng chồng gặp chị Thúy (Đ) để hỏi về việc tôi để quên ví và nhờ xem lại Camera, chị Thúy không biết việc tôi để quên ví và bảo Camera bị hỏng...".

Tại (BL 101) người bị hại anh P khai: Chị ta hoàn toàn không nhận nhặt được ví, do vậy tôi mới nhờ xem Camera thì chị ta có đưa điện thoại mở ứng dụng xem nhưng bị lỗi. Tôi đề nghị kiểm tra lại ổ thu thiết bị máy tính kết nối khác thì chị ta không đồng ý.

Lời khai của bị cáo Đ tại (BL số 45): "…Hai vợ chồng người khách có quay lại cửa hàng để gặp tôi và hỏi tôi về việc có thấy hay biết gì về việc họ đã để quên chiếc ví tại cửa hàng của tôi không. Yêu cầu tôi cho họ xem lại camera của cửa hàng. Tôi trả lời họ là không xem lại được camera đồng thời cũng mở camera bằng điện thoại cho họ xem lại nhưng không được. Sau đó hai người khách hàng ra về. Một lúc sau người vợ gọi điện thoại và nhắn tin cho tôi với nội dung: Hỏi về chiếc ví để quên ở cửa hàng nhưng tôi không nhớ đã trả lời họ như thế nào.

Khi được Cơ quan điều tra hỏi: Chị Đ cho biết tại sao khi vợ chồng người khách hàng quay lại cửa hàng để xin chiếc ví bị bỏ quên mà chị không trả lại cho họ?

Đ trả lời: Là do tôi thấy trong ví có nhiều tiền, tuy rằng biết chiếc ví là của vợ chồng họ nhưng sợ sẽ phiền hà nên tôi chưa trả họ ngay...".

Như vậy thấy, lời khai ban đầu của bị cáo Đ phù hợp với lời khai người bị hại và diễn biến tiếp theo sự việc. Đ nại ra vấn đề vì khách đông nên chưa làm việc với vợ chồng anh P - chị N, chưa trình báo Cơ quan có thẩm quyền. Nhưng sau khi anh P – chị N có đơn trình báo sự việc, đến khi các đồng chí Công an phường đến cửa hàng Đ cũng không trình báo luôn sự việc. Sau khi sửa được Camera xem lại hình ảnh chị N để ví trên bàn và Đ nhặt chiếc ví, Đ đã nhắn tin cho bạn tên Ái Đồng, nội dung: "…Việc rắc rối to rồi…Công an nó tới kiểm tra…Bây giờ chỉ có cách…Nhờ bạn mang cái này qua công an trình báo là khách hàng bỏ quên nay mới lên trình báo…".

Tài sản bị cáo chiếm giữ có tổng giá trị 24.110.000 đồng.

Từ các chứng cứ trên, thấy hành vi của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội "*Chiếm giữ trái phép tài sản*" tội danh và khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự. Nại ra của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ.

Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, bị cáo trực tiếp là người quản lý của cửa hàng, lẽ ra bị cáo phải là người luôn nhắc nhở khách hàng chú ý bảo vệ tài sản cá nhân…Nhưng khi khách hàng bỏ quên tài sản bị cáo đã nảy lòng tham không hợp tác trả lại tài sản cho khách hàng khi khách hàng có yêu cầu xin lại. Tài sản bị cáo chiếm giữ giá trị tương đối lớn 24.110.000 đồng. Tại phiên tòa lúc đầu bị cáo quanh co không thừa nhận, sau khi được HTND phân tích bị cáo thùa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là có tội xin Hội đồng xem xét. Song phần tranh luận bị cáo lại đồng quan điểm với Luật sư bảo vệ cho rằng không có căn cứ để buộc tội bị cáo. Như vậy thấy, bị cáo chưa nhận thức được hành

vi vi phạm, chưa thành khẩn nên đối với bị cáo cần phải được xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật.

Khi lượng hình Hội đồng xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo: Nhân thân chưa tiền án, tiền sự; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội chưa gây thiệt hại (*tài sản đã được thu hồi ngay trả cho người bị hại*); Người bị hại có đơn xem xét giảm nhẹ; Bị cáo có gia cảnh khó khăn, một mình nuôi hai con nhỏ và hiện đang mang thai. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và điều luật quy định, Hội đồng xét xử thấy: Lẽ ra phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo, song xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điều 51 Bộ luật hình sự, nên cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của Nhà nước. Cho bị cáo được cải tại ngoài xã hội với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và làm bài học ngăn ngừa tội phạm nói chung. Xét xử mức án như Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn thỏa đáng. Xét xử bị cáo mức án như Viện kiểm sát đề nghị là hoàn toàn thỏa đáng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh P, chị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác đối với bị cáo nên không xét.

Về vật chứng vụ án: Không

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và cùng với người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội *"Chiếm giữ trái phép tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 176; điểm h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Thị Đ về UBND phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trường hợp bị cáo Phạm Thị Đ thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Thị Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Phạm Thị Đ phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án: Không.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- VKSND quận Đống Đa;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Đống Đa;
- Chi cục THA quận Đống Đa;
- TT lý lịch - Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bạch Phượng